

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

Bản án số: 20/2026/DS-ST

Ngày: 31/07/2026

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng, hợp đồng thế chấp”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Quốc Tú

2. Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 49/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 26/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1);

Địa chỉ: Tòa V L, phường L, quận Đ (nay là phường G), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G - Chức vụ Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2 (Theo văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025); CCCD số: 001087003316 do Cục C về TTXH cấp ngày 06/6/2023 (vắng mặt).

Người được ủy quyền lại:

+ Ông Đặng Văn N - Chuyên viên xử lý nợ;

Địa chỉ: Tầng D VPBank S, S, Tòa nhà T, khối Y, phường V, tỉnh Nghệ An. (Theo văn bản ủy quyền số 2314/2026/UQN-PLTH2 ngày 29/04/2026); CCCD số: 040091007212 do Cục C về TTXH cấp ngày 18/03/2023 (vắng mặt).

+ Ông **Hoàng Tiến Đ** - Chức vụ Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 4 VPBank Sông Lam, Shophouse LK 1-10, Tòa nhà Trường Thịnh Phát, khối Yên Sơn, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An. (Theo văn bản ủy quyền số 2314/2026/UQN-PLTH2 ngày 29/04/2026); CCCD số: 042095016987 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 28/06/2021, (có mặt).

- **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**) (trước đây là **Công ty cổ phần J1**)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp **Công ty cổ phần S1**; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/05/2026.

Địa chỉ: **Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh T** - chức vụ: Tổng giám đốc; CCCD số 042080000006 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 10/4/2021.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Huy M** - Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-TGD ngày 29/8/2025)

CCCD số 026084000753 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 14/8/2022 (vắng mặt).

Người được ủy quyền lại: ông **Nguyễn Văn T1** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: **Tầng D VPBank S, S, Tòa nhà T, khối Y, phường V, tỉnh Nghệ An.**
(Theo Văn bản ủy quyền số 55603/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 23/4/2026);

CCCD số: 040091011764 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 12/01/2022; (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Vi Quang S**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: **xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An;**

CCCD số: 040092018599 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 25/01/2022; (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của **Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1 (J1)** trình bày:*

Ông **Vi Quang S** đã ký kết các hợp đồng tín dụng với **V1**, cụ thể theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2307119698826 ngày 14/08/2023 và các khế ước nhận nợ kèm theo, ông **Vi Quang S** vay vốn tại **V1** với số tiền là: 400,000,000 đồng (bốn trăm triệu đồng); thời hạn vay 300 tháng; mục đích sử dụng vốn bù đắp vốn tự có mua BĐS tại thửa đất 54, 55, tờ bản đồ 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là: Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai).**

- Hợp đồng cho vay số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 và các khế ước nhận nợ kèm theo, ông **Vi Quang S** vay vốn tại VPBANK với số tiền là: 132,000,000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu đồng); thời hạn vay 120 tháng; mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm:

+ Tài sản thứ nhất: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là: Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai)**, theo

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998126, số vào sổ cấp GCN: CS 04583 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S**. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho **V1** theo Hợp đồng thế chấp số LN2307119698826 ngày 14/08/2023, số công chứng: 12836 quyền số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn phòng C1**, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 14/08/2023.

+ Tài sản thứ hai: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là: Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai)**, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998127, số vào sổ cấp GCN: CS 04584 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S**. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho **V1** theo Hợp đồng thế chấp số LN2307119698826 ngày 14/08/2023, số công chứng: 12836 quyền số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn phòng C1**, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 14/08/2023.

Quá trình thực hiện các hợp đồng ông **Vi Quang S** đã thanh toán trả nợ cho Ngân hàng được số tiền tính đến ngày 31/7/2026 là: 152,204,600đ (một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm không bốn nghìn, sáu trăm đồng), trong đó trả nợ gốc là 75.050.224đ (bảy mươi lăm triệu, không trăm năm mươi nghìn, hai trăm, hai bốn đồng) trả nợ lãi là 77.154.376đ (bảy mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Trong đó hợp đồng tín dụng số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 đã trả nợ gốc là 75.048.224đ, trả nợ lãi là 5.277.982đ, tổng cộng là 80.326.206đ (tám mươi triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm không sáu đồng), ngày quá hạn là 15/10/2025; tính đến ngày 31/7/2026 đã quá hạn 290 ngày.

Hợp đồng tín dụng số LN2307119698826 ngày 25/02/2023 đã trả nợ gốc là 2.000đ (hai nghìn đồng), trả nợ lãi là 71,876,394đ (bảy mươi một triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi bốn đồng), tổng cộng là 71,878,394đ (bảy mươi một triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi bốn đồng), ngày quá hạn 15/03/2025; tính đến ngày 31/7/2026 đã quá hạn 504 ngày.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2025/VPB-JUPITER ngày 28/02/2025 và Phụ lục số 01 đính kèm giữa **Ngân hàng TMCP V (V1)** với

Công ty Cổ Phần J1 thì **V1** đồng ý bán và **Công ty Cổ Phần J1** đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông **Vi Quang S** là một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số: LN2307119698826 ngày 14/08/2023; Hợp đồng tín dụng số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 .

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty J1 (nay là Công ty Cổ phần J1) kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty J1.

Quá trình xử lý khoản vay, V1 và Công ty J1 (nay là Công ty Cổ phần J1) đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Vi Quang S thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho V1 và Công ty J1 (nay là Công ty Cổ phần JUPITER AMC) tuy nhiên ông Vi Quang S không thực hiện; tính đến ngày 31/07/2026, ông Vi Quang S còn nợ Công ty cổ phần J1 và V1 tổng số tiền cụ thể như sau:

-Dư nợ đối với khoản vay số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 là: 74,920,461 đồng (trong đó nợ gốc là 56,951,776 đồng, nợ lãi trong hạn là 10,898,084 đồng, lãi quá hạn là 7,070,601 đồng, tổng nợ lãi là 17,968,685 đồng).

Chia theo tỷ lệ mua bán nợ Công ty cổ phần J1 90%; Ngân hàng V1 10% như sau:

Nợ Công ty cổ phần J1 67,428,415 đồng (trong đó nợ gốc là 51,256,598 đồng; nợ lãi trong hạn là 9,808,276 đồng, nợ lãi quá hạn là 6,363,541 đồng, tổng nợ lãi là 16,171,817 đồng).

Nợ Ngân hàng V1 là 7,492,046 đồng (trong đó nợ gốc là 5,695,178 đồng, nợ lãi trong hạn là 1,089,808 đồng, nợ lãi quá hạn là 707,060 đồng, tổng nợ lãi là 1,796,868 đồng).

-Dư nợ đối với khoản vay LN2307119698826 ngày 14/08/2023 là 509,851,804 đồng (trong đó nợ gốc là 399,998,000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3,109,960 đồng, nợ lãi quá hạn là 106,743,844 đồng, tổng nợ lãi 109,853,804 đồng)

Chia theo tỷ lệ mua bán nợ Công ty cổ phần J1 90%; Ngân hàng V1 10% như sau:

Nợ Công ty cổ phần J1 số tiền là 458,866,624 đồng (trong đó nợ gốc là 359,998,200 đồng; nợ lãi trong hạn là 2,798,964 đồng, nợ lãi quá hạn là 96,069,460 đồng, tổng nợ lãi là 98,868,424 đồng).

Nợ Ngân hàng V1 là 50,985,180 đồng (trong đó nợ gốc là 39,999,800 đồng, nợ lãi trong hạn là 310,996 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.674,384 đồng, tổng nợ lãi là 10,985,380 đồng).

Tổng dư nợ của cả 2 khoản vay là 584,772,265 đồng (trong đó tổng nợ gốc là 456,949,776 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 14,008,044 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 113,814,445 đồng, tổng nợ lãi là 127,822,489 đồng).

Chia theo tỷ lệ mua bán nợ Công ty cổ phần J1 90%; Ngân hàng V1 10% như sau:

Nợ Công ty cổ phần J1 là: 526,295,039 đồng (trong đó nợ gốc là 411,254,789 đồng, tổng nợ lãi là 115,040,201 đồng; bao gồm nợ lãi trong hạn là 12,607,240đ, nợ lãi quá hạn là 102,433,001đ).

Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) là: 58,477,226 đồng (trong đó nợ gốc là 45,694,978 đồng, nợ lãi là 12,782,248 đồng; bao gồm nợ lãi trong hạn là 1,400,804 đồng, nợ lãi quá hạn là 11,381,444 đồng)

(Chi tiết theo bảng kê tính lãi kèm theo).

JUPITER AMC và V1 đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Vi Quang S phải thanh toán cho JUPITER AMC và V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên, tính đến ngày 31/07/2026 là: 584,772,265 đồng (trong đó tổng nợ gốc là 456,949,776 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 14,008,044 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 113,814,445 đồng, tổng nợ lãi là 127,822,489 đồng) trong đó:

Thanh toán cho Công ty cổ phần J1 tổng số tiền tính đến ngày 31/07/2026 là: 526,295,039 đồng (trong đó nợ gốc là 411,254,789 đồng; nợ lãi trong hạn là 12,607,240 đồng, nợ lãi quá hạn là 102,433,001 đồng, tổng nợ lãi là 115,040,201 đồng).

Thanh toán cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 31/07/2026 là: 58,477,226 đồng (trong đó nợ gốc là 45,694,978 đồng, nợ lãi trong hạn là 1,400,804 đồng, nợ lãi quá hạn là 11,381,444 đồng, tổng nợ lãi là 12,782,248 đồng)

Chi tiết theo bảng kê tính lãi kèm theo.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả, nay tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Vi Quang S thực tế thanh toán hết nợ cho JUPITER AMC và V1. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Vi Quang S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho JUPITER AMC và V1 thì JUPITER AMC và V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho JUPITER AMC và V1 cụ thể là tài sản sau:

+ Tài sản thứ nhất: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là: Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998126, số vào sổ cấp GCN: CS 04583 do Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 21/06/2021 cho ông Vi Quang S. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho V1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2307119698826 ngày 14/08/2023, số công chứng: 12836 quyền số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 14/08/2023.

+ *Tài sản thứ hai*: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước** (Nay là: **Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai**), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998127, số vào sổ cấp GCN: CS 04584 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S**. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho **V1** theo Hợp đồng thế chấp số LN2307119698826 ngày

14/08/2023, số công chứng: 12836 quyền số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn phòng C1**, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 14/08/2023.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản đảm bảo sẽ được thanh toán cho JUPITER AMC và **V1** theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, JUPITER AMC và **V1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông **Vi Quang S** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho JUPITER AMC và **V1** cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyết toán xong và nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ (đã thực hiện xong) không yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Vi Quang S** thông qua bà **Trần Thị T2** (mẹ của **Vi Quang S**) và niêm yết theo quy định nơi ông **S** cư trú, ông **S** đã biết được nội dung **Công ty cổ phần J1** và **Ngân hàng V1** khởi kiện yêu cầu ông trả nợ và đề nghị xử lý tài sản thế chấp nhưng ông **S** đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì.

Tòa án nhân dân khu vực 8- Nghệ An cũng đã có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 04/2026/QĐ-UTTA ngày 17/04/2026 cho TAND Khu vực 14 - tỉnh Đồng Nai tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước** cũ (Nay là: **Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai**), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998126, số vào sổ cấp GCN: CS 04583 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S**. Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước** cũ (Nay là: **Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai**), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998127, số

vào sổ cấp GCN: CS 04584 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S**.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/05/2026 của TAND Khu vực 14 - Đồng Nai đã xác định tại các thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước** cũ (Nay là: **Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai**) không có tài sản gì trên đất, không có ai sống trên đất, không thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đã đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nên Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 - BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J1 và Ngân hàng V1 về việc yêu cầu bị đơn ông Vi Quang S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần

JUPITER AMC và Ngân hàng V1 số tiền nợ gốc và lãi chưa thanh toán tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần J1 và Ngân hàng V1 đối với yêu cầu bị đơn ông Vi Quang S phải trả lãi suất chậm trả tiền lãi theo các Hợp đồng cho vay số LN2307119698826 ngày 14/08/2023 và Hợp đồng cho vay số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 giữa Ngân hàng TMCP V và ông Vi Quang S.

- Về án phí: buộc ông Vi Quang S phải chịu án phí DSTT theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ (đã thực hiện xong) nên không yêu cầu gì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 07/10/2025 Công ty cổ phần J1 và Ngân hàng

VPBANK nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vi Quang S trú tại xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An thanh toán hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp và nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An nơi bị đơn cư trú để giải quyết. Căn cứ Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông **Vi Quang S**: Ông sáng đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không lý do. Xét thấy, đây là vụ án liên quan đến nghĩa vụ của bên vay phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã được ký kết và giải ngân tiền vay, ông **S** vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo cho **Công ty cổ phần JI** và **Ngân hàng V1** biết là không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định. Trường hợp này được xác định là bị đơn cố tình giấu địa chỉ và nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong các giao dịch, hợp đồng bằng văn bản. Căn cứ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự; điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả. Nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về chủ thể: **Ngân hàng TMCP V (V1)** được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật. Ông **Vi Quang S** là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên các bên đều có quyền ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng và các giao dịch đã ký kết. Về hình thức và nội dung các hợp đồng mà các bên đã ký kết và thực hiện đều phù hợp với quy định của

pháp luật. Đối tượng ký kết là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp về việc vay vốn nhằm mục đích bù đắp vốn tự có mua BĐS tại thửa đất 54, 55, tờ bản đồ 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là: Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai)** và vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Vì vậy hợp đồng giữa các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán: Sau khi ký kết các hợp đồng cho vay số LN2307119698826 ngày 14/08/2023 và Hợp đồng cho vay số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 giữa **Ngân hàng TMCP V** và ông **Vi Quang S** thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền theo hợp đồng tín dụng số LN2307119698826 ngày 14/08/2023 số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng);

hợp đồng tín dụng số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 số tiền là 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng), trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng thì ông sáng đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã cam kết, mới trả được số tiền của hai hợp đồng tín dụng là 152,204,600 (một trăm năm hai triệu, hai trăm không bốn nghìn, sáu trăm đồng), trong đó trả nợ gốc là 75.000.000đ, trả nợ lãi là 77,154,376đ; cụ thể hợp đồng tín dụng số LN2307119698826 ngày 14/08/2023 đã trả nợ gốc là 2.000đ, trả nợ lãi là 71,876,394đ, tổng cộng là 71,878,394đ (bảy mươi một triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi

bốn nghìn đồng); hợp đồng tín dụng số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 đã trả nợ gốc là 75,048,224đ, trả nợ lãi là 5,277,982đ, tổng cộng là 80,326,206đ (tám mươi triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm không sáu đồng). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù ông S vắng mặt không có lý do; tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định việc ký kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đủ thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc vay vốn của ông sáng để nhằm mục đích bù đắp vốn tự có mua bất động sản và vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Tại các hợp đồng tín dụng các bên có quy định lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả. Xét về thỏa thuận lãi suất các bên đã ký kết trong các hợp đồng tín dụng phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật. Căn cứ bảng tổng hợp dư nợ đến hết ngày 31/7/2026 và bảng chi tiết tính lãi do Ngân hàng cung cấp theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết thì ông Vi Quang S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần J1 và Ngân hàng V1 yêu cầu ông S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2026) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là 584,772,265 đồng (trong đó nợ gốc là 456,949,776 đồng, nợ lãi là 127,822,489 đồng) cụ thể trả nợ cho Công ty cổ phần J1 tổng số tiền tính đến ngày 31/07/2026 là: 526,295,039 đồng (trong đó nợ gốc là 411,254,789 đồng, nợ lãi là 115,040,201 đồng); trả nợ cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 31/07/2026 là: 58,477,226 đồng (trong đó nợ gốc là 45,694,978 đồng, nợ lãi là 12,782,248 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; các Điều 274, 275, 280, 466, 468 - BLDS nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J1 và Ngân hàng VPBANK về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thấy rằng: Để bảo đảm cho các khoản vay tại các hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Vi Quang S đã thế chấp tài sản bảo đảm của ông S là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với

đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là: Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998126, số vào sổ cấp GCN: CS 04583 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/06/2021 cho ông Vi Quang S theo Hợp đồng thế chấp số LN2307119698826 ngày 14/08/2023, số công chứng: 12836 quyền số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 14/08/2023. Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay là: Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy

chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998127, sổ vào sổ cấp GCN: CS 04584 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S** theo Hợp đồng thế chấp số LN2307119698826 ngày 14/08/2023, số công chứng: 12836 quyền số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn phòng C1**, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 14/08/2023. Xét chủ sử dụng các thửa đất này đều thuộc quyền sử dụng của ông **Vi Quang S** theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã được đăng ký thế chấp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 - BLDS năm 2015; các Hợp đồng thế chấp tài sản đã được các bên giao kết tự nguyện; không ai ép buộc hay bị lừa dối; các bên tham gia giao dịch có đủ thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng thế chấp đã được công chứng đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của **Công ty cổ phần J1** và **Ngân hàng V1** về việc xử lý các tài sản đảm bảo của ông **Vi Quang S** để thanh toán các khoản nợ của ông **S** là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.4] Đối với nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ thì JUPITER AMC và **V1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông **Vi Quang S** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho JUPITER AMC và **V1** cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ thấy rằng: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ của người phải thi hành án dân sự, do đó các bên có thể yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Nguyên đơn đề nghị Toà án buộc ông **S** phải chịu lãi suất theo lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử cần chấp nhận theo quy định tại Điều 8, Điều 13 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn JUPITER AMC và **V1** đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyết toán xong. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên

đơn tự nguyện chịu toàn bộ (đã thực hiện xong) nên không yêu cầu gì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông **Vi Quang S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho JUPITER AMC và **V1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.130.468 (mười một triệu, một trăm ba mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b, Khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 244 - BLTTDS; Các Điều 274, 275, 280, 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468, 688 - BLDS năm 2015; các Điều 91, 95 98 - Luật các Tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 210 - Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/1/2024; các Điều 8, 13 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**) đối với yêu cầu bị đơn ông **Vi Quang S** phải trả lãi suất chậm trả tiền lãi theo các hợp đồng cho vay số LN2307119698826 ngày 14/08/2023 và Hợp đồng cho vay số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 giữa **Ngân hàng TMCP V** và ông **Vi Quang S**.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**):

Buộc ông **Vi Quang S** phải có nghĩa vụ Thanh toán các hợp đồng tín dụng cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**) toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng cho vay số LN2307119698826 ngày 14/08/2023 và Hợp đồng cho vay số LN2405132599084 ngày 16/05/2024 tính đến ngày 31/07/2026 là: 584,772,265 đ (năm trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc là 456,949,776 (bốn trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng), nợ lãi là 127,822,489 (một trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng), bao gồm lãi trong hạn là 14,008,044đ (mười bốn triệu, không trăm không tám nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 113,814,445đ (một trăm mười ba triệu, tám trăm mười bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) cụ thể:

Buộc ông **Vi Quang S** phải thanh toán cho **Công ty cổ phần J1** tổng số tiền tính đến ngày 31/07/2026 là: 526,295,039đ (năm trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi chín đồng); trong đó nợ gốc là 411,254,789đ (bốn trăm mười một triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng); nợ lãi là 115,040,201đ (một trăm mười lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, hai trăm không một đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 12,607,240đ (mười hai triệu, sáu trăm không bảy nghìn, hai trăm bốn mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 102,433,001đ (một trăm không hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, không trăm không một đồng).

Buộc ông **Vi Quang S** phải thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** tổng số tiền tính đến ngày 31/07/2026 là: 58,477,226 đ (năm mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 45,694,978đ (bốn mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm bảy mươi

tám đồng) nợ lãi là 12,782,248đ (mười hai triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 1,400,804đ (một triệu, bốn trăm nghìn, tám trăm không bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 11,381,444đ (mười một triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm bốn, bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/8/2026), ông **Vi Quang S** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ trên. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ, thì lãi suất mà ông **Vi Quang S** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông **Vi Quang S** không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai** (trước đây là **Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước**), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998126, số vào sổ cấp GCN: CS 04583 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S** theo Hợp đồng thế chấp số LN2307119698826 ngày 14/08/2023, số công chứng: 12836 quyền số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn phòng C1**, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 14/08/2023.

Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số: 02, tại địa chỉ: **Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai** (trước đây là Ấp

Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998127, số vào sổ cấp GCN: CS 04584 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S** theo Hợp đồng thế chấp số LN2307119698826 ngày 14/08/2023, số công chứng: 12836 quyền số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn phòng C1**, tỉnh Bình Phước chứng nhận ngày 14/08/2023.

Trường hợp số tiền số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì ông **Vi Quang S** có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng; nếu thừa thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**) phải trả lại cho ông **Vi Quang S**.

Trường hợp ông **Vi Quang S** hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là JUPITER AMC JSC) phải trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998126, số vào sổ cấp GCN: CS 04583; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 998127, số vào sổ cấp GCN: CS 04584 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 21/06/2021 cho ông **Vi Quang S**.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông **Vi Quang S** phải chịu 27.390.890 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi nghìn, tám trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.130.468 (mười một triệu, một trăm ba mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001708 ngày 22 tháng 10 năm 2025 và **Ngân hàng TMCP V (V2)** số tiền 1.330.413 đồng (một triệu, ba trăm ba mươi nghìn, bốn trăm mười ba đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001709 ngày 22 tháng 10 năm 2025.

4. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần J1** (tên viết tắt là **J1**) có mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông **Vi Quang S** vắng mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, 4 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

8, 36 và 71 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan